

Số: 306/BC-THCSĐP

Bình Chánh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2024
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NĂM HỌC 2024 – 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Trung học cơ sở Đa Phước

1.2. Địa chỉ trụ sở

Địa chỉ: A3/99, Quốc lộ 50, Ấp 1, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 37780023

Email: c2daphuoc.binhchanh.tphcm@moet.edu.vn

Website: <https://thcsdaphuoc.hcm.edu.vn/>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường Trung học cơ sở công lập

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mạng:

Trường Trung học cơ sở Đa Phước là một cơ sở giáo dục phổ thông, hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh theo khuôn khổ pháp luật của nhà nước và quy chế của ngành giáo dục, nhằm giáo dục đào tạo thiếu niên theo yêu cầu đổi mới của xã hội, xu hướng hiện đại của thế giới và đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

Tạo dựng nhà trường trở thành môi trường học tập nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo. Giáo dục cho các thế hệ học sinh biết vượt qua mọi khó khăn, phát triển hết khả năng để trở thành người công dân có ích cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tầm nhìn:

Phấn đấu nâng cao vị thế nhà trường, để Trường Trung học cơ sở Đa Phước là nơi phụ huynh học sinh sẽ lựa chọn để con em học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn tự giác phấn đấu vươn lên vì sự phát triển của bản thân, vì danh dự và truyền thống nhà trường, đáp ứng các yêu cầu phát triển của giáo dục nước nhà.

Mục tiêu:

Tạo dựng một môi trường giáo dục an toàn – thân thiện – năng động và sáng tạo. Ứng dụng tư duy giáo dục hiện đại trên nền tảng giáo dục truyền thống. Phân đầu xây dựng Trường học hạnh phúc, tiên phong, đổi mới.

Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức và trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên và khả năng thích ứng cao.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Trung học cơ sở Đa Phước được xây dựng từ năm 1965. Năm học 1965 - 1966 tên là trường Trung học tỉnh hạt Đa Phước do thầy Hồ Văn Chánh là Hiệu trưởng. Đến năm 1975 trường đổi tên là trường Phổ thông cơ sở Đa Phước; đến năm 1977 trường Trung học cơ sở Đa Phước có thêm một lớp 10 đổi tên là trường Phổ thông cấp II, III Đa Phước do thầy Nguyễn Văn Tựu là Hiệu trưởng. Đến năm 1979 trường tách cấp III ra và sát nhập cấp I đổi tên là trường cấp I, II Đa Phước do cô Nguyễn Thị Hồng Xuân là Hiệu trưởng. Trường cấp I, II Đa Phước hoạt động, giảng dạy và học tập đến năm 1991, cấp I tách ra đồng thời sát nhập cấp III đổi tên là trường Phổ thông cấp II, III Đa Phước do thầy Nguyễn Văn Nhân là Hiệu trưởng; thầy Trần Văn Thành và cô Nguyễn Thị Hồng Xuân là Phó hiệu trưởng. Năm học 2004-2005 thầy Trần Văn Sơn là Hiệu trưởng; thầy Trần Văn Thành và cô Nguyễn Thị Hồng Xuân là Phó hiệu trưởng.

Trường Trung học cơ sở Đa Phước được thành lập từ năm 1965, đến năm học 1991 sát nhập với trường phổ thông trung học Đa Phước. Từ năm 2005 trường trung học cơ sở Đa Phước được tách ra từ trường trung học phổ thông Đa Phước, đổi tên là trường trung học cơ sở Đa Phước. Trường Trung học cơ sở Đa Phước được thành lập theo Quyết định số 2488/2005/QĐ-UB ngày 31 tháng 5 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Bình Chánh.

Trường có 1 điểm chính tọa lạc tại A3/99, Quốc lộ 50, Ấp 1, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Gần 60 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 (theo QĐ số 1494-85/QĐ-SGDĐT ngày 13/6/2022).

Nhà trường đạt Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố về đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm học liên tục (2021 - 2022, 2022 - 2023) góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố (Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 03/10/2023).

Chi ủy, Chi bộ được Đảng bộ xã Đa Phước tặng giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2024. Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” năm học 2023-2024. Tập thể Công đoàn, Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được Trường Trung học cơ sở Đa Phước luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

1.6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Trần Văn Mười

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Trung học cơ sở Đa Phước, A3/99, Quốc lộ 50, Ấp 1, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0908286785.

Email: muoitran67@gmail.com

1.7. Tổ chức bộ máy

Công văn số 526/CV-SNV ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh về việc về việc thỏa thuận thành lập Trường Trung học cơ sở Đa Phước thuộc huyện Bình Chánh.

Quyết định số 2488/2005/QĐ-UB ngày 31 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Bình Chánh về việc về việc Thành lập Trường Trung học cơ sở Đa Phước trực thuộc Phòng Giáo dục huyện Bình Chánh.

Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về kiện toàn Hội đồng trường của Trường Trung học cơ sở Đa Phước nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Danh sách thành viên hội đồng trường

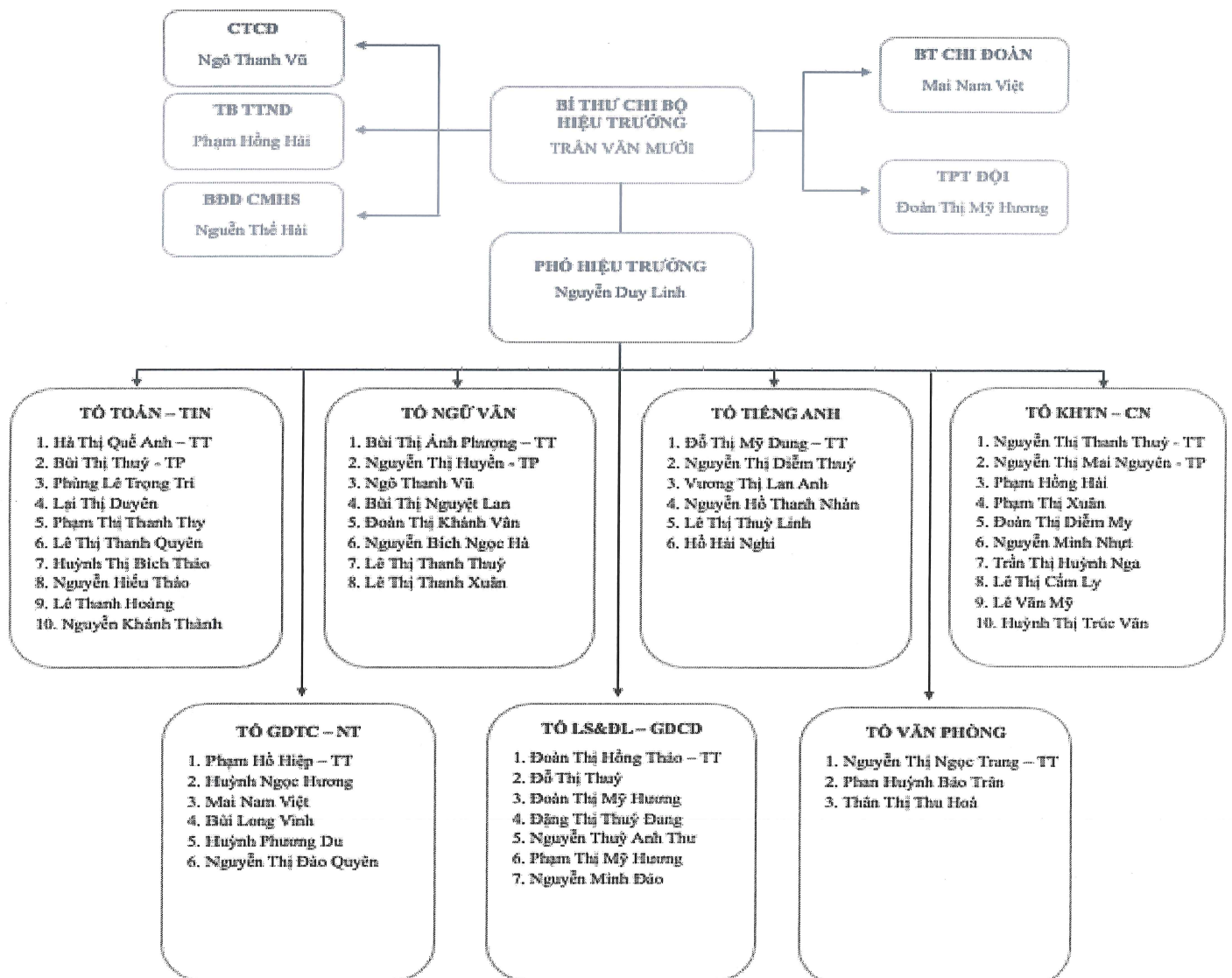
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC DANH
1	Ông Trần Văn Mười	Bí thư chi bộ-Hiệu Trưởng	Thành viên
2	Ông Ngô Thanh Vũ	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
3	Ông Nguyễn Duy Linh	Phó Hiệu Trưởng	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Phương Nam	Phó chủ tịch UBND xã Đa Phước	Thành viên
5	Ông Nguyễn Thế Hải	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành Viên
7	Bà Hà Thị Quế Anh	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên



STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC DANH
8	Bà Đỗ Thị Mỹ Dung	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
10	Bà Đoàn Thị Mỹ Hương	Tổng phụ trách Đội	Thành viên
11	Ông Trần Bảo Nam	Liên đội trưởng	Thành viên

Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Đa Phước;

Quyết định số 5580/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Đa Phước.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA ĐƠN VỊ

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	52	0	4	46	I	1	0
I	Giáo viên	46	0	3	42	1	0	0
1	Giáo viên THCS	45	0	3	42	0	0	0
2	Tổng phụ trách Đội	1	0	0	0	1	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	1	1	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0
III	Nhân viên	4	0	0	3	0	1	0
1	Nhân viên Văn thư	1	0	0	1	0	0	0
2	Nhân viên Kế toán (Hợp đồng)	1	0	0	1	0	0	0
3	Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên Công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên Thư viện	1	0	0	1	0	0	0
6	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0

2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	2	2
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	42/42	46/46
	Tỷ lệ	100%	100%

2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	2	2
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	42	46
	Tỷ lệ	100%	100%
3	Nhân viên		
	Số lượng	0	0
	Tỷ lệ	0	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm 2023 - 2024	Năm 2024 - 2025
	a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Diện tích khu đất xây dựng trường: 4256.6 m ² Điểm trường: 1 điểm Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; 4,39 m ² đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Diện tích khu đất xây dựng trường: 4256.6 m ² Điểm trường: 1 điểm diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; 4,20 m ² đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; -Khối phòng học tập; -Khối phòng hỗ trợ học tập; - Khối phụ trợ; - Khu sân chơi, thể dục thể thao; -Khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; - Khối phòng học tập: 26 phòng -Khối phòng hỗ trợ học tập: 6 phòng (Thiết bị, Truyền thống, Đoàn Đội, Thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh) - Khối phụ trợ; Đáp ứng tốt cho hoạt động của trường	b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; -Khối phòng học tập: 27 phòng -Khối phòng hỗ trợ học tập: 6 phòng (Thiết bị, Truyền thống, Đoàn Đội, Thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh) - Khối phụ trợ; Đáp ứng tốt cho hoạt động của trường

STT	Nội dung	Năm 2023 - 2024	Năm 2024 - 2025
		lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đáp ứng nhu cầu của hoạt động giáo dục trong nhà trường.	lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đáp ứng nhu cầu của hoạt động giáo dục trong nhà trường.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Trường Trung học cơ sở Đa Phước tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

- Tăng cường tổ chức triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục hàng năm nhằm giúp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nắm vững các tiêu chuẩn, tiêu chí để góp phần xây dựng và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục.

4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

- Kết quả đánh giá và công nhận

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 (theo QĐ số 1494-85/QĐ-SGDĐT ngày 13/6/2022).

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025 (Kế hoạch số 226/KH-THCSĐP ngày 27/9/2024)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

STT	Nội dung	Năm 2023-2024	Năm 2024-2025
	<p>a)-Kết quả tuyển sinh:</p> <p>-Tổng số học sinh theo từng khối:</p> <p>-Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối:</p> <p>-Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày:</p> <p>-Số lượng học sinh nam/học sinh nữ:</p> <p>-Học sinh là người dân tộc thiểu số:</p> <p>-Học sinh khuyết tật:</p> <p>-Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:</p>	<p>100%</p> <p>Khối 6: 314; Khối 7: 260; Khối 8: 209; Khối 9: 287. TC:1070</p> <p>Khối 6: 45; Khối 7: 43; Khối 8: 35; Khối 9: 41. TC: 41</p> <p>1070</p> <p>593/496</p> <p>35</p> <p>02</p> <p>12/2</p>	<p>100%</p> <p>Khối 6: 348; Khối 7: 307; Khối 8: 263; Khối 9: 207. TC:1125</p> <p>Khối 6: 44; Khối 7: 44; Khối 8: 44; Khối 9: 35. TC: 42</p> <p>1126</p> <p>582/543</p> <p>52</p> <p>01</p> <p>13/15</p>
	<p>b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo</p> <p>-Thống kê số lượng học sinh được lên lớp sau khi kiểm tra lại:</p> <p>-Học sinh không được lên lớp:</p>	<p>Học sinh lên lớp thẳng:1070/1070 Học sinh kiểm tra lại: 00</p> <p>00</p> <p>00</p>	<p>Học sinh lên lớp thẳng:1122/1125 Học sinh kiểm tra lại: 00</p> <p>00</p> <p>03/1122</p>
	<p>c)Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp</p> <p>- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông</p>	<p>287/287</p> <p>34/287</p>	<p>207/207</p> <p>12/207</p>

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Năm 2023-2024	Năm 2024-2025
	a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)	<p>- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 400.863.465 đ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn 12: 33.867.000 đ; • Nguồn 13: 0 đồng; • Nguồn 14: 366.996.465 đ. <p>- Dự toán được giao trong năm: 12.665.150.383 đ, trong đó:</p> <p>+ Dự toán giao đầu năm: 11.811.448.000 đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn 12: 269.107.000 đ; • Nguồn 13: 6.731.766.000 đ; • Nguồn 14: 4.810.575.000 đ. <p>+ Dự toán bổ sung trong năm: 853.702.383 đ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn 12: 489.169.383 đ; • Nguồn 13: 107.437.000 đ; • Nguồn 14: 257.096.000 đ; • Nguồn 15: 0 đ. <p>- Kinh phí thực nhận trong năm: 11.359.967.521 đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn 12: 745.985.683 đ; • Nguồn 13: 6.839.203.000 đ; • Nguồn 14: 3.774.778.838 đ; • Nguồn 15: 0 đ; <p>- Kinh phí quyết toán: 11.359.967.521 đồng;</p> <p>- Kinh phí giảm trong năm: 46.157.700 đồng (Nguồn 12)</p> <p>- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 1.659.888.627 đ.</p>	<p>- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 1.659.888.627 đ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn 12: 0 đ; • Nguồn 13: 0 đ; • Nguồn 14: 1.659.888.627 đ. <p>- Dự toán được giao trong năm: 15.162.887.000 đ, trong đó:</p> <p>+ Dự toán giao đầu năm: 12.364.612.000 đ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn 12: 836.349.000 đ; • Nguồn 13: 6.336.147.000 đ; • Nguồn 14: 5.192.116.000 đ. <p>+ Dự toán bổ sung trong năm: 2.798.275.000 đ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn 12: 1.089.321.000 đ; • Nguồn 13: 2.142.071.002 đ; • Nguồn 14: -671.117.002 đ; • Nguồn 18: 238.000.000 đ. <p>- Kinh phí thực nhận trong năm: 14.884.059.557 đ;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn 12: 1.925.650.048 đ; • Nguồn 13: 8.260.043.718 đ; • Nguồn 14: 4.460.479.791 đ; • Nguồn 18: 237.886.000 đ; <p>- Kinh phí quyết toán: 14.884.059.557 đ</p> <p>- Kinh phí giảm trong năm: 48.133.952 đ</p> <p>- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 1.890.582.118 đ</p>

STT	Nội dung	Năm 2023-2024	Năm 2024-2025
	<p>b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác</p>	<p>Các khoản chi phân theo nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tiền lương, phụ cấp: 6.529.712.913 đ - Chi tiền lương, tiền công, trung tâm giảng dạy từ sự nghiệp: 3.612.432.500 đ - Chi hoạt động chuyên môn: 745.985.683 đ - Chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất trang thiết bị: 39.600.000 đ - Chi thuê mướn các dịch vụ phục vụ: 309.490.087 đ - Chi khác: 3.774.778.838 đ 	<p>Các khoản chi phân theo nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tiền lương, phụ cấp: 8.629.350.656 đ - Chi tiền lương, tiền công, trung tâm giảng dạy từ sự nghiệp: 4.793.071.200 đ - Chi hoạt động chuyên môn: 2.163.536.048 đ - Chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất trang thiết bị: 10.000.000 đ - Chi thuê mướn các dịch vụ phục vụ: 0 đ - Chi khác: 4.460.479.791 đ
	<p>2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp</p>	<p>2. Các khoản thu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HP CL: 642.054.000 đ - 2 buổi: 935.340.000 đ - TABN: 1.328.100.000 đ - TA TC: 87.300.000 đ - PV BT: 43.540.000 đ - VS BT: 10.885.000 đ - TB BT: 38.510.000 đ - Học bơi: 95.920.000 đ - THọc IC3: 88.950.000 đ 	<p>. Các khoản thu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HP CL: 677.160.000 đ - 2 buổi: 1.061.295.000 đ - TABN: 1.588.900.000 đ - TA TC: 106.140.000 đ - PV VSBT: 222.272.500 đ - DV ML: 12.642.000 đ - TB BT: 170.000 đ - Học bơi: 110.880.000 đ - THọc IC3: 242.175.000 đ



STT	Nội dung	Năm 2023-2024	Năm 2024-2025
	học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.	- KNS: 587.880.000 đ	- KNS: 635.840.000 đ - DV UDCNCĐS: 134.672.200đ - Nghề: 150.000đ
	3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học	Chính sách trợ cấp miễn, giảm học phí: + Học kỳ 1: 286.160.000đ + Học kỳ 2: 356.580.000đ	Chính sách trợ cấp miễn, giảm học phí: + Học kỳ 1: 406.100.000đ + Học kỳ 2: 507.000.000đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên trung học cơ sở

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

Năm học 2024 – 2025 nhà trường có 01 giáo viên đang học nâng chuẩn đại học, 01 đang học Tiến sĩ.

7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học xã, mạnh thường quân và phụ huynh học sinh hỗ trợ.

7.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 -2025.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như SSC, IMAS, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành,...

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm 36a.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của học sinh; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pintersest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); Articulate Studio (phần mềm biến các slide thuyết trình powerprint thành bài gairng điện tử)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục.

7.5. Công tác truyền thông

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục, tuyên truyền phổ biến kiến giáo dục thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Trường Trung học cơ sở Đa Phước, zalo nhóm lớp), thông qua website trường: <https://thcsdaphuoc.hcm.edu.vn/>

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024 theo Thông tư 09 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường Trung học cơ sở Đa Phước.



Trần Văn Mười